

Bản án số: 56/2020/HS-ST
Ngày: 30-12-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Nguyễn Đức Kim;

Ông Bùi Văn Thiệu.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Văn Hường- Thư ký Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Khuất Duy Xuân Quý- Kiểm sát viên sơ cấp thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

Ngày 30/12/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 58/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Bùi Văn S, sinh ngày 19/01/1994 tại xã Quyết Thắng, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Nơi cư trú: xóm Duộng Rềnh, xã Quyết Thắng, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa (học vấn) 10/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Sự, sinh năm: 1966 và bà Quách Thị Ba, sinh năm: 1972; vợ con: chưa có.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình từ ngày 17/8/2020, được trích xuất và có mặt tại phiên tòa.

- Người chứng kiến:

+ Bùi Văn Ng, sinh năm 1977. Nơi cư trú: xóm Duộng Rềnh, xã Quyết Thắng, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt;

+ Bùi Văn Th, sinh năm 1990. Nơi cư trú: xóm Duộng Rềnh, xã Quyết Thắng, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/8/2020 Công an huyện Lạc Sơn phối hợp với Công an xã Quyết Thắng, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tiến hành triệu tập đối tượng Bùi Văn S, sinh năm 1994, trú tại xóm Duộng Rền, xã Quyết Thắng, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình về việc S thường xuyên sử dụng trái phép chất ma túy. Khoảng 11 giờ 05 phút cùng ngày, tổ công tác Công an huyện Lạc Sơn và Công an xã Quyết Thắng đến gia đình Bùi Văn S để xác minh thì phát hiện tại túi quần phía sau bên phải mà S đang mặc có 01 hộp nhựa hình trụ bên trong có 02 gói giấy và 01 gói nilon bên trong đều có chứa chất bột dạng cục màu trắng(S khai nhận là ma túy). Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Bùi Văn S, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lạc Sơn đã thu giữ tại ngăn dưới bàn thờ của gia đình S 01 gói giấy bên trong có chứa bột dạng cục màu trắng(S khai nhận là ma túy). Tổ công tác Công an huyện Lạc Sơn đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong vật chứng thu giữ được theo đúng quy định của pháp luật.

Tại cơ quan điều tra, Bùi Văn S đã khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của mình và khai về nguồn gốc số ma túy do Cơ quan điều tra thu giữ khi bắt quả tang và khám xét nơi ở của S ngày 17/8/2020 cụ thể như sau: Do bản thân nghiện ma túy nên khoảng 20 giờ 00 phút, ngày 16/8/2020, Bùi Văn S, một mình đi nhờ xe máy của một người đi đường không quen biết đi đến khu vực thị trấn Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình để tìm mua ma túy và mua được 01 gói ma túy với số tiền 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*) của một người đàn ông không quen biết, không rõ đặc điểm nhận dạng. Mục đích S mang ma túy về nhà để sử dụng cho bản thân. Về đến nhà S lấy một phần ma túy ra sử dụng, phần còn lại S chia nhỏ gói trong 02 gói giấy và 01 gói nilon cất dấu trong 01 hộp nhựa hình trụ và 01 gói giấy cất dấu tại ngăn dưới bàn thờ của gia đình.

Ngày 17/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lạc Sơn đã ra Quyết định trưng cầu giám định gửi Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hòa Bình giám định 03 (ba) gói giấy và 01 gói nilon chứa chất bột dạng cục màu trắng được niêm phong trong 02 phong bì ghi tên Bùi Văn S.

Tại bản Kết luận giám định số 252/KLGD-CAT-PC09 ngày 24/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hòa Bình đã kết luận: *“Các mẫu chất bột dạng cục màu trắng trong 02 (hai) phong bì niêm phong ghi tên Bùi Văn S trong quá trình bắt quả tang và khám xét khẩn cấp chỗ ở gửi giám định có tổng khối lượng 0,3492 gam, là ma túy, loại Heroine”.*

Quá trình điều tra, bị cáo S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với vật chứng thu giữ được.

Theo Bản cáo trạng 55/CT-VKS ngày 25/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn đã quyết định truy tố bị cáo Bùi Văn S về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Thực hành quyền công tố tại phiên tòa: đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đồng thời đề nghị HĐXX: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Vật chứng của vụ án gồm: 04 (bốn) mẫu ma túy, loại heroine (Phong bì 1: Gói 1: 0,02g; Gói 2: 0,01g; Gói 3: 0,15g; Phong bì 2: 0,005g) còn lại sau giám định cùng toàn bộ vỏ bao gói đã được niêm phong theo quy định đề nghị tịch thu tiêu hủy theo qui định tại điểm c khoản 1 Điều 47 bộ luật hình sự và Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho bị cáo trong vụ án do không rõ tên, tuổi, địa chỉ và đặc điểm nhận dạng nên chưa có căn cứ để xác minh và kết luận đề nghị khi nào làm rõ sẽ xử lý theo quy định.

Bị cáo không có lời bào chữa, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lạc Sơn, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội:* Lời khai nhận của bị cáo Bùi Văn S tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai của những người chứng kiến, phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, các vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án. Do vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Hồi 11 giờ 05 phút, ngày 17/8/2020 tại xóm Duộng Rênh, xã Quyết Thắng, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình, Bùi Văn S đã có hành vi tàng trữ trái phép ma túy (bị bắt quả tang và khám xét khẩn cấp nơi ở) với tổng khối lượng là 0,3492 gam (*Không thấy ba nghìn bốn trăm chín mươi hai gam*) chất ma túy, loại Heroine với mục đích để sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c

khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất của hành vi phạm tội:* Hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Văn S là nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, nhận thức đầy đủ về tác hại của ma túy nhưng vẫn cố tình thực hiện- lỗi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Bị cáo là con một trong gia đình; là dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Những tình tiết giảm nhẹ trên theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được xem xét để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo trong quá trình lượng hình.

[5] *Về hình phạt chính:* Căn cứ vào hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo; Căn cứ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo HĐXX xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật, xâm phạm sự quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm an ninh trật tự, an toàn xã hội. Ma túy là chất gây nghiện không những làm huỷ hoại sức khỏe con người mà còn làm sứt mẻ đạo đức xã hội, ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Hành vi của bị cáo đã tiếp tay cho những kẻ mua bán ma túy và ma túy cũng là nguyên nhân gây ra các tội phạm hình sự khác. Do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, bảo đảm trật tự kỷ cương xã hội.

[6] *Về hình phạt bổ sung:* Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo nghề nghiệp không ổn định, không có thu nhập, điều kiện kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[7] Về vật chứng của vụ án gồm: 04 (bốn) mẫu ma túy, loại heroine (Phong bì 1: Gói 1: 0,02g; Gói 2: 0,01g; Gói 3: 0,15g; Phong bì 2: 0,005g) còn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy theo qui định tại Điều 47 bộ luật hình sự và Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo, do không rõ tên, tuổi, địa chỉ và đặc điểm nhận dạng, chưa có căn cứ để xác minh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề khác.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định các Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Văn S 15(Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ- ngày 17/8/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy 04 (bốn) mẫu ma túy, loại heroine (Phong bì 1: Gói 1: 0,02g; Gói 2: 0,01g; Gói 3: 0,15g; Phong bì 2: 0,005g) còn lại sau giám định cùng toàn bộ vỏ bao gói đã được niêm phong trong 02 phong bì ghi tên đối tượng: Bùi Văn S.

(Các vật chứng nêu trên hiện được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn theo đúng mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng và phiếu nhập kho ngày 30/11/2020).

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN.

CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Văn Thiệu Nguyễn Đức Kim

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHADS huyện Lạc Sơn;
- Công an huyện Lạc Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- UBND xã Quyết Thắng;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hoa

HỘI THẨM NHÂN DÂN.

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Thiệu Nguyễn Đức Kim

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Mẫu số 27-HS(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN⁽¹⁾.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:...../.....⁽²⁾/HS-ST
Ngày.....-.....-.....⁽³⁾

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN.....⁽⁴⁾

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:⁽⁵⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

Thẩm phán: Ông (Bà).....

Các Hội thẩm nhân dân (quân nhân):

Ông (Bà).....

Ông (Bà).....

Ông (Bà).....

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà).....⁽⁶⁾

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân⁽⁷⁾.....tham gia phiên tòa:

Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....⁽⁸⁾ tại.....⁽⁹⁾

xét xử sơ thẩm công khai⁽¹⁰⁾ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: .../.../TLST-HS
ngày...tháng...năm...theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: .../.../QĐXXST-HS
ngày...tháng...năm... đối với bị cáo (các bị cáo):

⁽¹¹⁾sinh ngày.....tháng..... năm.....tại.....
Nơi cư trú.....;nghề nghiệp.....; trình độ văn hoá (học
vấn).....; dân tộc:.....; giới tính:.....; tôn giáo:.....; quốc tịch:.....; con
ông.....và bà.....; có vợ (chồng) và.....con; ⁽¹²⁾tiền án.....,tiền sự.....;
nhân thân.....; bị bắt, tạm giam ngày⁽¹³⁾

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo:⁽¹⁴⁾

Ông (Bà).....sinh năm (hoặc tuổi).....; nơi cư trú....., nghề
nghiệp..... là⁽¹⁵⁾

- Người bào chữa cho bị cáo:⁽¹⁶⁾

- Bị hại:⁽¹⁷⁾

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:⁽¹⁸⁾

- Nguyên đơn dân sự:⁽¹⁹⁾

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:⁽²⁰⁾

- Bị đơn dân sự:⁽²¹⁾

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự:⁽²²⁾

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:⁽²³⁾

- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ
án:⁽²⁴⁾

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (nguyên đơn dân
sự.....):⁽²⁵⁾

- Người tham gia tố tụng khác:⁽²⁶⁾

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án
được tóm tắt như sau:⁽²⁷⁾

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:⁽²⁸⁾

[1].....

.....

[2].....

.....

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào⁽²⁹⁾.....

.....

(30)

.....

(31)

.....

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xóa. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì

ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

1. Bùi Văn Thiệu 2. Bùi Văn Tấn Nguyễn Thị Thanh Hoa

